

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày 13 tháng 5 năm 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐST - DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Trú tại: Số B, đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn P, chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần S- chi nhánh H1 – Phòng giao dịch Châu Thành

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Phó Trưởng Phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần S- chi nhánh H1 – Phòng G1 (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Minh K (vắng mặt)

Trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng) trình bày: Ngày 03/10/2023 ông K có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của ông K, Ngân hàng cấp hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, lãi suất 29,8%/năm, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ ông K đã thực hiện giao dịch với số tiền 39.800.465 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, từ khi kích hoạt đến nay ông K thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.401.415 đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở ông K vẫn vi phạm thời hạn thanh toán. Ngày 05/5/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả 66.272.277 đồng, trong đó nợ gốc là 45.302.217 đồng, tiền lãi trong hạn là 13.980.040 đồng, lãi quá hạn là 6.990.020 đồng, lãi tính đến ngày 13/5/2025.

Bị đơn ông Lê Minh K đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Lê Minh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Căn cứ vào hồ sơ vay vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần S thể hiện ngày 03/10/2023 ông K có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng cấp hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, lãi suất 29,8%/năm. Quá trình sử dụng thẻ, từ khi kích hoạt đến nay ông K thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.401.415 đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở ông K vẫn vi phạm thời hạn thanh toán. Ngày 05/5/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Hiện nay số nợ vay đã quá thời gian thỏa thuận theo hợp đồng mà phía bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng. Do đó

Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bị đơn phải trả 66.272.277 đồng, trong đó nợ gốc là 45.302.217 đồng, tiền lãi trong hạn là 13.980.040 đồng, lãi quá hạn là 6.990.020 đồng, lãi tính đến ngày 13/5/2025 là phù hợp.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Minh K phải chịu phần án phí có giá ngạch là $66.272.277 \text{ đồng} \times 5\% = 3.313.500 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông Lê Minh K trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền **66.272.277** đồng, trong đó: nợ gốc 45.302.217 đồng, lãi trong hạn 13.980.040 đồng, lãi quá hạn 6.990.020 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (13/5/2025) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh K phải chịu 3.313.500 đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 1.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0003571 ngày 14/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Ngô Huỳnh